

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 11

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 03 – 04/11/2025

Ngày cung cấp TT: 05/11/2025

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Cổng Liên Mạc	Cổng Liên Mạc 1 mở 2 cửa, cổng Liên Mạc 2 mở 1 cửa.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở thông.
5	9	Cổng Lương Cỏ	Cổng mở thông.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Cổng mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Cổng mở.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Cổng mở hé.
10	21	Kênh Yên Xá	Cổng mở.
11	23	Kênh Hòa Bình	Cổng đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 23 vị trí.

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Không có vị trí nào.***

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Đập Nhật Tựu, Cống Lương Cồ, Phũ Lý – cầu Phũ Vân, Sông Đầm, Kênh Duy Tiên, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà-Thường Tín

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên**, Cống Liên Mạc, Cầu Diên, Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Cầu Thần, Kênh Hòa Bình.*

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên**, Đập Hà Đông.*

Không đạt mức D: Cầu Tó, Cầu Xém, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh La Khê, Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu, Kênh Yên Xá

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
1	Cổng Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 97%, gió TB 10 km/h. Dòng chảy chậm, nước vào. Cổng Liên Mạc 1 mở 2 cửa, cổng Liên Mạc 2 mở 1 cửa. Nước đang vào Mục nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.16	29.0	4.76	0.3	0.824	1.960	452	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đăm, kênh Xuân La vào.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 95%, gió TB 12 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mục nước cao. Nước màu vàng lục.	6.68	35	4.06	0.3	1.368	2.588	433	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
3	Đập Hà Đông	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 98%, gió TB 12 km/h. Dòng chảy nhanh về hạ lưu, đập mở, mực nước cao. Nước màu xanh đen.	7.07	47.2	2.36	0.4	5.563	3.060	591	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cầu Tó	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch	Trời mưa nhỏ, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 90%, gió TB 12 km/h. Dòng chảy nhanh về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.12	51.6	1.06	0.4	12.401	2.408	621	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		qua đập Thanh Liệt.									
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời hừng nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 85%, gió TB 15 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Hai bên sông nhiều rác. Nước màu xanh đen.	7.21	58.2	3.95	0.4	4.779	3.128	497	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà,	Trời hừng nắng, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 100%, gió TB 10 km/h. Dòng chảy nhanh về hạ lưu. Đập mở thông. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.35	47.5	4.06	0.3	1.057	1.913	451	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Thường Tín và kênh Vân Đình vào.									
7	Cầu Thần	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 100%, gió TB 8 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.31	52.9	4.59	0.3	1.212	2.273	407	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
8	Đập Nhặt Trụ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 97%, gió TB 8 km/h. Mực nước cao, đang mở cống trên, nước chảy về hạ lưu. Nước	7.46	67.2	5.17	0.3	1.080	1.733	401	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			màu nâu đục.								
9	Cổng Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí cổng.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió TB 10 km/h. Cổng mở thông. Dòng chảy nhanh về hạ lưu. Mức nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.37	51.3	5.25	0.3	0.831	1.913	406	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
10	Phù Lý – cầu Phù Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió TB 10 km/h. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Đáy. Mức nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.26	40.5	5.71	0.3	0.692	2.385	368	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
11	Sông Đám	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 100%, gió TB	6.97	52.0	5.06	0.2	0.746	2.363	404	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		lưu vào sông Nhuệ.	10 km/h. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Ngoài sông Nhuệ nước chảy về hạ lưu. Nước màu nâu đục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 100%, gió TB 11 km/h. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ, mực nước trung bình. Nước màu xanh đen.	7.06	20.257.6	1.76	0.5	5.913	3.780	602	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch trước khi đổ vào sông	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 90%, gió TB 10 km/h.	6.91	41.9	1.03	0.5	6.807	2.430	637	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Nhuệ.	Không có dòng chảy. Đập đóng. Mức nước trung bình. Nước màu xám đen.								đạt mức B
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 100%, gió TB 10 km/h. Dòng chảy nhanh ra sông Nhuệ. Cổng mở trên mực nước ra sông Nhuệ. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh đen, mùi hôi thối.	7.06	49.7	1.07	0.5	4.794	2.880	536	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khổng chế nước thải của	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 90%, gió TB 10 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cổng mở.	7.26	37.9	1.29	0.4	8.314	2.160	670	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	Trạm bơm không hoạt động. Mực nước cao. Nước màu xám đen.								
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 80%, gió BTB 10 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, cống mở hé trên mực nước ra sông Nhuệ. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen.	7.15	45.5	0.86	0.5	9.868	3.263	729	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió TB 10 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước	6.91	30.6	0.59	0.6	16.472	2.408	791	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	thấp. Trên kênh có nhiều rác. Nước màu đen.								
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	Trời mưa nhỏ, lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió TB 10 km/h. Không có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối.	6.87	26.4	0.31	0.6	21.368	1.373	816	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 100%, gió TB 8 km/h. Dòng chảy rất chậm về hướng sông Đáy. Mực nước trung bình.	7.29	47.6	5.02	0.2	66.822	1.688	401	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			Nước màu nâu đục.								
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 100%, gió TB 8 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.06	42.9	5.26	0.3	0.707	2.070	401	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 98%, gió TB 12 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cống mở trên nước ra sông Nhuệ, mực nước cao. Nước màu xám đen.	7.23	56.5	0.76	0.6	13.675	2.970	725	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà-Thường Tín	Đánh giá chất lượng nước nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	Trời hừng nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 85%, gió TB 15 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước cao. Nước màu nâu đục.	7.4	29.5	5.09	0.2	0.629	1.859	387	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời mưa nhỏ, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 80%, gió TB 12 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu nâu đục.	7.31	41.3	4.96	0.3	1.002	2.385	372	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Lãnh đạo Viện;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Ninh Bình;
- Lưu VT, phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 5 tháng 11 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn